

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày 24/02/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và
Hợp đồng giao khoán thi công công trình*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà và ông Huỳnh Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 53/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Hợp đồng giao khoán thi công công trình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH N**; Địa chỉ: Số 112C Trần Phú, phường B, TP Bảo L, tỉnh Lâm Đ. Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đăng K** – Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 18 Hòa An 8, phường Hòa A, quận Cẩm L, TP Đà Nẵng. (Theo giấy ủy quyền số 01/2021/UQ-N ngày 05/7/2021) (bà H có mặt).

- *Bị đơn:* **Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V**. Địa chỉ: Số 174 Lê Đình Lý, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Hoài C** - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc, ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Giám đốc xí nghiệp 1, ông Nguyễn Trung T - Chức vụ: Nhân viên kế toán tham gia tố tụng (Theo giấy ủy quyền số 419/GUQ-CT ngày 16/11/2021) (ông T có mặt).

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Văn B** - chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V - Xí nghiệp 1; Địa chỉ trụ sở : 496 Phạm Văn Đ, phường Đồng Đ, thành phố P, tỉnh G, Địa chỉ nhà: Tổ 29 phường Hòa A, quận Cẩm L, thành phố Đ (ông B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 10/10/2016, Công ty TNHH MTV ĐTXD V (nay đổi tên là Công ty cổ phần XD và ĐT V) thông qua Chi nhánh là Xí nghiệp 1 đã thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH N với nội dung:

Công ty N cung cấp sơn theo thiết kế của bên A – Xí nghiệp 1 – Công ty TNHH MTV ĐTXD V với chi tiết về chủng loại, số lượng và giá cả như sau:

+ Sơn Kova: 344 kg x 44.820đ = 15.418.080đ;

+ Sơn trong nhà Kova: 868 kg x 35.550đ = 30.857.400đ;

+ Sơn lót chống kiềm Kova: 663 kg x 68.730đ = 45.567.990đ;

Tổng tiền trước thuế: 91.843.470đ; Thuế VAT 10%: 9.184.347đ; Tổng tiền sau thuế: 101.027.817đ (**Một trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm mười bảy đồng**).

Ngày 05/4/2017, Công ty N và Xí nghiệp 1 – Công ty TNHH MTV ĐTXD V tiếp tục ký hợp đồng kinh tế về việc giao khoán công việc Công trình: Doanh trại đại đội biên giới BB186/BCH quân sự huyện Ia H'Drai, hạng mục: Nhà xe, đài nước, nhà phơi số 1, số 2 tại địa điểm xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng thuê khoán là **220.689.000đ** (Hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Tổng giá trị cả hai hợp đồng là 321.716.817đ (Ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm mười bảy đồng).

Sau khi hoàn tất và bàn giao các hạng mục trong 2 hợp đồng trên, Công ty TNHH MTV ĐTXD V (nay đổi tên là Công ty cổ phần XD và ĐT V) đã thực hiện chuyển trả được 2/3 số tiền trên tổng giá trị của hai hợp đồng. Số tiền còn lại Công ty TNHH MTV ĐTXD V lấy lý do trong thời điểm giao thời sáp nhập cổ phần hóa doanh nghiệp nên phải đợi hoàn tất thủ tục pháp lý xong sẽ thanh toán số tiền còn lại.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/5/2019, đại diện hai bên đã thống nhất: Công ty V còn nợ của công ty N số tiền: **104.937.309đ** (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm lẻ chín đồng).

Hiện nay, thủ tục chuyển đổi loại hình đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH MTV ĐTXD V đã hoàn tất nhưng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền còn lại cho Công ty N, mặc dù chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu Công ty V trả nợ.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH N, tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH N giữ nguyên yêu cầu buộc Công ty cổ phần XD và ĐT V thanh toán khoản tiền **104.937.309 đồng** (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm lẻ chín đồng) cho Công ty TNHH N. Công ty TNHH N không yêu cầu trả lãi.

*** Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Trung Thành trình bày:**

- Công ty cổ phần XD và ĐT V xác nhận hiện nay còn nợ Công ty TNHH N số tiền 104.937.309 đồng theo như lời trình bày của Công ty TNHH N và có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH N, tuy nhiên do Công ty cổ phần XD và ĐT V đang gặp khó khăn về tài chính nên không thể thanh toán ngay cho Công ty TNHH N được. Vì vậy đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N đối với Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V. Buộc Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V phải trả cho Công ty TNHH N số tiền 104.937.309 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, *Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về phần thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng giao khoán thi công xây dựng đối với Bị đơn và Bị đơn có địa chỉ 174 Lê Đình L, phường Hòa Thuận T, quận H, thành phố Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là Công ty TNHH N thì thấy:

Ngày 10/10/2016, Công ty TNHH MTV ĐTXD V (nay đổi tên là Công ty cổ phần XD và ĐT V) thông qua Chi nhánh là Xí nghiệp 1 đã thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH N với nội dung:

Công ty TNHH N cung cấp sơn theo thiết kế của bên A - Xí nghiệp 1 - Công ty TNHH MTV ĐTXD V với chi tiết về chủng loại, số lượng và giá cả như sau:

+ Sơn Kova: 344 kg x 44.820đ = 15.418.080đ;

+ Sơn trong nhà Kova: 868 kg x 35.550đ = 30.857.400đ;

+ Sơn lót chống kiềm Kova: 663 kg x 68.730đ = 45.567.990đ;

Tổng tiền trước thuế: 91.843.470đ; Thuế VAT 10%: 9.184.347đ; Tổng tiền sau thuế: 101.027.817đ (***Một trăm lẻ một triệu không trăm hai mươi bảy ngàn tám trăm mười bảy đồng***).

Ngày 05/4/2017, Công ty TNHH N và Công ty V tiếp tục ký hợp đồng kinh tế về việc giao khoán công việc Công trình: Doanh trại đại đội biên giới BB186/BCH quân sự huyện Ia H'Drai, hạng mục: Nhà xe, đài nước, nhà phơi số 1, số 2 tại địa điểm xã Ia Toi, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum với tổng giá trị hợp đồng thuê khoán là ***220.689.000đ (Hai trăm hai mươi triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng)***.

Tổng giá trị cả hai hợp đồng là 321.716.817đ (Ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm mười sáu triệu tám trăm mười bảy đồng).

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 và Điều 74 Luật thương mại nên có hiệu lực thi hành giữa các bên.

[2.2]. Về nghĩa vụ thanh toán:

Sau khi hoàn tất và bàn giao các hạng mục trong 2 hợp đồng trên, Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V đã thực hiện chuyển trả được 2/3 số tiền trên tổng giá trị của hai hợp đồng. Số tiền còn lại Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V lấy lý do trong thời điểm giao thời sáp nhập cổ phần hóa doanh nghiệp nên phải đợi hoàn tất thủ tục pháp lý xong sẽ thanh toán số tiền còn lại.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/5/2019, đại diện hai bên đã thống nhất: Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V còn nợ của Công ty TNHH N số tiền: **104.937.309đ** (Một trăm lẻ bốn triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm lẻ chín đồng), tuy nhiên từ đó đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền còn lại mặc dù Công ty TNHH N đã nhiều lần yêu cầu Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V thanh toán. Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả số tiền **104.937.309 đồng** và không yêu cầu tính lãi, còn đại diện theo ủy quyền của Bị đơn là ông Nguyễn Trung Thành xác nhận hiện nay Công ty cổ phần XD và ĐT V còn nợ Công ty TNHH N số tiền 104.937.309 đồng như lời trình bày của Công ty TNHH N và có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH N, tuy nhiên do Công ty cổ phần XD và ĐT V đang gặp khó khăn về tài chính nên không thể thanh toán ngay cho Công ty TNHH N được, ông Thành đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Xét thấy các bên thống nhất về số nợ, việc Công ty cổ phần XD và ĐT V đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền trên cho Công ty TNHH N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N, buộc Công ty CP Xây dựng và Đầu tư V phải thanh toán số tiền còn nợ **104.937.309đ** là phù hợp với Điều 50 Luật Thương mại 2005. Do Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn thanh toán lãi nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

[2.3]. Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm, nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[3]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên Bị đơn là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 5.246.865 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho Nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 24, 74 và 50 Luật thương mại và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và Hợp đồng giao khoán thi công công trình*” của Công ty TNHH N đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH N số tiền 104.937.309 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư V phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 5.246.865 đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí 2.623.432 đồng (*Hai triệu, sáu trăm hai ba nghìn bốn trăm ba hai đồng*) theo biên lai thu số 5570 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND Q. Hải Châu;
- THADS Q. Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Hồng Loan

